TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày: 21-02-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trương Tấn Đồng**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Phẩm**
2. Ông **Nguyễn Đinh Cường**

-***Thư ký phiên toà***: Ông **Nguyễn Hoài Bảo**, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa:*** Ông **Huỳnh Hữu Tài** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/ TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2021.về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST –DS, ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú số 81, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **Lê Tấn P**, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú số 66, đường 3/2, Khóm 4, thị trấn C, huyện M, tỉnh V (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú khóm 2, thị trấn C, huyện M, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2020 của bà Nguyễn Thị Ngọc H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của anh Lê Tấn P trình bày: Nguyên từ ngày 20/01/2018 đến ngày 28/3/2018, bà Nguyễn Thị Ngọc H có cho bà Nguyễn Ngọc H vay tổng số tiền là 100.000.000 đồng và 4.000 USD. Khi vay tiền bà H là người trực tiếp nhận đủ tiền, viết và ký tên vào giấy mượn tiền cụ thể như sau:

Ngày 20/01/2018, bà H có cho bà H vay số tiền 4.000 USD, thời hạn vay là 02 tháng theo giấy mượn tiền đề ngày 20/01/2018.

Ngày 28/3/2018, bà H có cho bà H vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng . Thời hạn vay là 01 tháng theo giấy mượn tiền đề ngày 28/3/2018.

Sau khi vay tiền thì bà H không trả tiền lãi và cũng không trả tiền vốn cho bà Hoa, mặc dù bà H đã nhiều lần điện thoại hoặc trực tiếp gặp để yêu cầu bà H trả tiền. Nhưng bà H cứ hẹn hoài mà không trả.

Đến ngày 06/6/2018, bà H viết giấy mượn tiền xác nhận có nợ bà H số tiền 100.000.000 đồng và 4.000 USD và cam kết đến ngày 24/6/2018 sẽ trả đủ tiền cho bà H, nhưng đến hẹn bà H cũng không trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng và 4.000 USD.

Buộc bà H có nghĩa vụ trả liền lãi cho bà H với mức lãi suất 20%/năm, đối với số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, kể từ ngày 28/3/2018 đến ngày 16/11/2020 là 948 ngày với số tiền là 51.945.205 đồng.

Đồng thời, yêu cầu bà H có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi cho bà H, với mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, kể từ ngày 17/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án 02 giấy mượn tiền ngày 20/01/2018; ngày 28/3/2018 và giấy mượn tiền và cam kết trả tiền ngày 06/6/2018 (bản photo).

Tại phiên tòa, anh Lê Tấn P thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể anh P yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn bà H biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của nguyên đơn. Nhưng bà H không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/12/2020; ngày 12/01/2021; phiên tòa ngày 26/01/2022 và phiên tòa ngày hôm nay. Mặc dù đã được tống đạt triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời, đề nghị vô hiệu hợp đồng vay tiền ngày 20/01/2018 giữa bà H với bà H về việc bà H cho bà H vay 4.000 USD và buộc bà H hoàn trả cho bà H 4.000 USD. Chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu bà H trả số tiền vốn vay ngày 28/3/2018 là 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 28/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp hợp đồng dân sự; bị đơn bà Hạnh có nơi cư trú tại khóm 2, thị trấn C, huyện M, tỉnh V. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại

khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được tống đạt triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn bà H đều vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà H là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào ngày 20/01/2018, bà H có cho bà H vay số tiền 4.000 USD và ngày 28/3/2018 bà H có cho bà H vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng là có thật. Bởi; sự việc này các đương sự có làm giấy mượn tiền bằng văn bản và có ký tên xác nhận.

[2.2] Xét; đối với việc vào ngày 20/01/2018 bà H cho bà H vay số tiền 4.000 USD (bốn ngàn đô là Mỹ) đây là giao dịch bằng ngoại tệ. Theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối thì bà Hoa và bà Hạnh là những người không thuộc đối tượng được phép sử dụng ngoại tệ trong giao dịch dân sự. Vì vậy hợp đồng vay tiền ngày 20/01/2018 giữa bà H và bà H bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại các Điều 123 và Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về hậu quả của hợp đồng bị vô hiệu theo quy định tại Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015: Cần buộc bà H hoàn trả cho bà H số tiền 4.000 USD (bốn ngàn đô la Mỹ) được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đối do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án.

Về lỗi làm cho hợp đồng bị vô hiệu: Bà H là người cho bà H vay số tiền 4.000 USD. Mặc dù các đương sự không biết mình là đối tượng không được phép sử dụng ngoại tệ trong giao dịch dân sự trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, do bà H là người có ngoại tệ cho vay nên cần buộc bà Hoa phải biết các quy định của pháp luật về việc cho vay ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó cần xác định lỗi hoàn toàn thuộc về bà H.

[2.3] Xét; đối với việc vào ngày 28/3/2018 bà H cho bà H vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn theo quy định tại Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên xét việc bà H yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Xét; do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà H yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà từ ngày 28/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/02/2022, với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Số tiền lãi bà H có nghĩa vụ trả cho bà H 100.000.000 đồng x 10%/năm x 1403 ngày là 38.438.356 đồng.

Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi bà H có nghĩa vụ trả cho bà H là 138.438.356 đồng.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu số tiền án phí dân sự không giá ngạch đối với phần hợp đồng vay tiền bị vô hiệu. Nhưng do bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Bà Hạnh phải chịu số tiền 6.921.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 123,131; 357; 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 1, khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố hợp đồng vay tiền ngày 20/01/2018 giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Ngọc H bị vô hiệu. Buộc bà Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 4.000 USD (bốn ngàn đô la Mỹ) được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đối do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H. Buộc bà Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 138.438.356 đồng (một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng); trong đó, tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 38.438.356 đồng (ba mươi tám triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên không có hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Buộc bà Nguyễn Ngọc H phải chịu số tiền 6.921.900 đồng (sáu triệu chín trăm hai mươi mốt ngàn chín trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh V;
-VKSND huyện M;
- Chi cụcTHADS huyện M;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Tấn Đồng